

Số: /2024/QĐ-UBND Thanh Hóa, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ về việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 58/2022/NĐ-CP ngày 31/8/2022 của Chính phủ về đăng ký và quản lý hoạt động của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài tại Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 23/2022/TT-BTC ngày 06/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý tài chính Nhà nước đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 480/TTr-SKHĐT ngày 22/01/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15/02/2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ

trường các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư (để báo cáo);
- Bộ Ngoại giao (để báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam;
- TTr: Tỉnh uỷ, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh;
- Các đoàn thể cấp tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh Thanh Hóa;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, THKH, KSTTHCNC_{Hoa}.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Thi

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam được thực hiện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /2024/QĐ-UBND ngày tháng năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

Chương 1 NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa và thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia hoặc có liên quan đến hoạt động quản lý và sử dụng viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức thuộc phạm vi điều chỉnh được nêu tại Điều 1 Quy chế này.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện

1. Tuân thủ quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và các quy định của pháp luật có liên quan.

2. Công tác quản lý và sử dụng khoản viện trợ được đảm bảo dưới sự lãnh đạo của Tỉnh ủy, sự quản lý, điều hành thống nhất của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở công khai, minh bạch, sự phối hợp đồng bộ, chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và sự chỉ đạo, hỗ trợ, hướng dẫn của các cơ quan Trung ương.

3. Không làm ảnh hưởng đến chức năng, nhiệm vụ và hoạt động chuyên môn của các cơ quan có liên quan.

4. Các khoản viện trợ khi được triển khai thực hiện và sử dụng phải tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam, đảm bảo yêu cầu về chính trị, kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội.

Chương 2

NỘI DUNG QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG VIỆN TRỢ

Điều 4. Phối hợp trong công tác thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ

1. Trình tự, thủ tục thẩm định, phê duyệt khoản viện trợ được thực hiện theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chủ trì thẩm định đối với khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

3. Đơn vị đề xuất tiếp nhận khoản viện trợ (chủ khoản viện trợ/chủ chương trình, dự án) có trách nhiệm lập hồ sơ khoản viện trợ theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

4. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến thẩm định

a) Giám đốc các sở; Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố đề cao trách nhiệm cá nhân, trực tiếp chỉ đạo việc tham gia ý kiến thẩm định về hồ sơ khoản viện trợ khi được cơ quan chủ trì lấy ý kiến, chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về ý kiến của cơ quan, địa phương, đơn vị mình.

b) Cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến thẩm định phải đánh giá đầy đủ các nội dung theo chức năng, phạm vi quản lý và theo đề nghị của cơ quan chủ trì; đồng thời, thể hiện rõ quan điểm (đồng ý hoặc không đồng ý, phù hợp hoặc không phù hợp) về nội dung ý kiến thuộc chức năng, nhiệm vụ của cơ quan đó; tuyệt đối không nêu ý kiến chung chung, chuyển nhiệm vụ cho cơ quan chủ trì hoặc UBND tỉnh.

5. Trách nhiệm của cơ quan chủ trì

a) Thẩm định các nội dung quy định tại khoản 5 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

Tùy thuộc vào quy mô, tính chất và nội dung của khoản viện trợ, cơ quan chủ trì thẩm định tổ chức thẩm định bằng hình thức tổng hợp ý kiến hoặc tổ chức hội nghị thẩm định theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

b) Tổng hợp ý kiến của các cơ quan, đơn vị liên quan, nêu rõ việc chấp hành quy định của từng ý kiến tham gia trong báo cáo thẩm định.

c) Đối với những vấn đề còn ý kiến khác nhau, Cơ quan chủ trì có trách nhiệm phân tích, giải trình làm rõ và đưa ra quan điểm về vấn đề đó (nêu rõ căn cứ pháp lý để đề xuất, thống nhất hoặc không thống nhất với cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến) trong văn bản báo cáo thẩm định hồ sơ khoản viện trợ.

d) Cơ quan chủ trì không chịu trách nhiệm về những nội dung đã được cơ quan, người có thẩm quyền khác chấp thuận, thẩm định, phê duyệt hoặc giải quyết trước đó.

Điều 5. Quản lý thực hiện viện trợ

1. Căn cứ quy mô, tính chất, điều kiện cụ thể thực hiện chương trình, dự án, năng lực tổ chức quản lý chương trình, dự án, UBND tỉnh quyết định áp dụng một trong các hình thức tổ chức quản lý chương trình, dự án theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

2. Chủ khoản viện trợ thực hiện quản lý và sử dụng có hiệu quả nguồn viện trợ theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

3. Ban quản lý dự án đại diện cho chủ dự án thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

4. Trong quá trình triển khai, nếu có điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung chương trình, dự án được thực hiện theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

5. Đối với dự án có cấu phần xây dựng: Thực hiện việc thẩm định, phê duyệt thiết kế kỹ thuật và dự toán, cấp giấy phép xây dựng; thực hiện các thủ tục đấu nối từ dự án vào đường bộ, chấp thuận và cấp phép thi công công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu giao thông đường bộ (nếu có); quản lý chất lượng công trình, bàn giao, bảo hành, bảo hiểm công trình xây dựng, thanh toán, quyết toán các chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ theo quy định của pháp luật liên quan.

6. Sau khi kết thúc dự án, chủ khoản viện trợ tổ chức đánh giá, tiến hành các thủ tục nghiệm thu, bàn giao kết quả đạt được cho đối tượng thụ hưởng để khai thác sử dụng và gửi báo cáo kết thúc dự án đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, cơ quan chủ quản (UBND tỉnh); đồng thời, gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh để theo dõi, tổng hợp.

Điều 6. Quản lý tài chính viện trợ

1. Nguyên tắc quản lý tài chính đối với vốn viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 20 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

2. Mở tài khoản cho chương trình, dự án sử dụng vốn viện trợ: Chủ khoản viện trợ thực hiện mở tài khoản cho chương trình, dự án theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

3. Lập kế hoạch tài chính vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 22 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

4. Kiểm soát chi, giải ngân, hạch toán và ghi thu ghi chi vốn viện trợ không hoàn lại bằng tiền:

a) Đối với vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước: Chủ khoản viện trợ thực hiện kiểm soát chi tại Kho bạc Nhà nước theo quy định về quản lý ngân sách Nhà nước; trình tự, thủ tục kiểm soát chi, hạch toán, ghi thu ghi chi thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Kho bạc Nhà nước và theo quy định từ khoản 1 đến khoản 8 Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

b) Đối với vốn viện trợ không thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước: Việc hạch toán, kế toán, quyết toán đối với khoản viện trợ thực hiện theo quy định pháp luật về kế toán và điều lệ tổ chức hoạt động của Bên tiếp nhận viện trợ theo quy định tại khoản 9 Điều 23 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

5. Quản lý vốn đối ứng

a) Các chương trình, dự án được bố trí vốn đối ứng theo nhu cầu hoặc cam kết với Bên cung cấp viện trợ: Bên tiếp nhận viện trợ đề xuất cụ thể nhu cầu vốn đối ứng trong văn kiện chương trình, dự án trình thẩm định, phê duyệt. Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chương trình, dự án, trong đó quyết định về mức vốn đối ứng bố trí cho chương trình, dự án (hiện vật hoặc tiền).

Đối với các khoản viện trợ do cơ quan trung ương phê duyệt triển khai trên địa bàn tỉnh: UBND tỉnh sẽ xem xét, bố trí vốn đối ứng cho các chương trình, dự án theo văn bản thỏa thuận giữa UBND tỉnh với cơ quan chủ quản phê duyệt khoản viện trợ.

b) Nguồn vốn đối ứng: Vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền từ ngân sách Nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác.

6. Vốn chuẩn bị khoản viện trợ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ, cụ thể:

a) Đối với khoản viện trợ mà Bên tiếp nhận là cơ quan, đơn vị được ngân sách Nhà nước đảm bảo kinh phí hoặc một phần kinh phí hoạt động: Bên tiếp nhận viện trợ lập kế hoạch vốn chuẩn bị vận động khoản viện trợ gửi Sở Tài chính thẩm định, báo cáo UBND tỉnh để tổng hợp vào kế hoạch ngân sách chung hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước.

b) Đối với các khoản viện trợ không thuộc nguồn thu của ngân sách Nhà nước: Chủ khoản viện trợ tự cân đối và bố trí vốn chuẩn bị khoản viện trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

c) Trường hợp Bên cung cấp viện trợ cung cấp hỗ trợ tài chính để chuẩn bị chương trình, dự án: Chủ khoản viện trợ đưa nguồn vốn chuẩn bị vào tổng vốn chung của khoản viện trợ theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

7. Tiếp nhận vốn viện trợ bằng hàng hóa và dịch vụ; thuế và kiểm toán đối với các khoản viện trợ: Được thực hiện theo quy định tại Điều 24, Điều 25 và Điều 26 Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

Điều 7. Chế độ báo cáo, kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ

1. Chế độ báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình tiếp nhận, giải ngân, quản lý và sử dụng viện trợ:

a) UBND tỉnh giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tổng hợp tình hình tiếp nhận, giải ngân, quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm, báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 15 tháng 01 của năm kế tiếp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Chủ khoản viện trợ báo cáo tình hình thực hiện, giải ngân, quản lý, sử dụng viện trợ theo định kỳ hàng năm (chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo) gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Ngoại vụ, Công an tỉnh hoặc báo cáo khi có yêu cầu đột xuất.

2. Chế độ báo cáo về kết quả vận động các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền quản lý:

a) Sở Ngoại vụ chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổng hợp kết quả vận động viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Ngoại giao, Ủy ban công tác về tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các cơ quan liên quan chậm nhất vào ngày 18 tháng 12 của năm báo cáo hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

b) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện, chủ khoản viện trợ báo cáo kết quả vận động viện trợ theo định kỳ hàng năm (chậm nhất vào ngày 10 tháng 12 của năm báo cáo) gửi Sở Ngoại vụ, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Công an tỉnh và khi có yêu cầu đột xuất.

3. Báo cáo kết thúc khoản viện trợ: Chủ khoản viện trợ gửi báo cáo kết thúc khoản viện trợ trong vòng 06 tháng sau khi kết thúc khoản viện trợ đến các cơ quan có liên quan theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Quy chế này.

4. Kiểm tra, giám sát tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối thực hiện các nhiệm vụ về quản lý và sử dụng khoản viện trợ của tỉnh; thực hiện giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định tại Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

b) Sở Tài chính tham gia kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước theo kế hoạch kiểm tra hàng năm.

c) Công an tỉnh chủ trì giám sát thực hiện hoạt động viện trợ của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn tỉnh theo chức năng quản lý Nhà nước; tổ chức kiểm tra, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện

trợ hàng năm để chủ động phòng ngừa, phát hiện và đấu tranh với các hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia và trật tự an toàn xã hội của các tổ chức, cá nhân trong quá trình quản lý và sử dụng các khoản viện trợ; tiến hành xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

d) Các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện theo chức năng, nhiệm vụ, xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình tiếp nhận, quản lý và thực hiện viện trợ theo quy định (việc xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát, đánh giá hàng năm đảm bảo không chồng chéo); trên cơ sở đó, đề xuất với UBND tỉnh xem xét, xử lý những vấn đề liên quan theo thẩm quyền (nếu có) hoặc xử lý theo thẩm quyền khi phát hiện các dấu hiệu, hành vi vi phạm pháp luật của tổ chức, cá nhân trong quá trình vận động, tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

Chương 3

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức liên quan

1. Văn phòng UBND tỉnh

Phối hợp thẩm định, đề xuất, kiến nghị về cơ chế, chính sách đối với các khoản viện trợ thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ lập hồ sơ viện trợ; chủ trì thẩm định văn kiện chương trình, dự án, khoản viện trợ phi dự án thuộc thẩm quyền phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh.

b) Chủ trì báo cáo kết quả thực hiện, công tác quản lý, sử dụng các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh báo cáo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền xem xét ban hành các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng viện trợ trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh; chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ, Sở Tài chính, Công an tỉnh và các đơn vị liên quan, tham mưu cho UBND tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra tổng thể việc triển khai các khoản viện trợ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa khi cần thiết, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ.

đ) Phối hợp với Sở Ngoại vụ tham mưu cho UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu.

e) Chủ trì, phối hợp với các ngành, đơn vị liên quan giúp UBND tỉnh đốc việc thực hiện Quy chế này.

3. Sở Ngoại vụ

a) Là cơ quan đầu mối về xúc tiến vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức; chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Liên hiệp các tổ chức hữu nghị tỉnh và các cơ quan liên quan vận động, tìm kiếm, đàm phán các khoản viện trợ và mở rộng các mối quan hệ hợp tác hữu nghị giữa tỉnh Thanh Hoá với các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch tăng cường hợp tác và vận động viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài kèm danh mục dự án ưu tiên kêu gọi viện trợ.

c) Chủ trì hướng dẫn, phối hợp với các cơ quan liên quan hỗ trợ Bên cung cấp viện trợ thực hiện các hoạt động khảo sát, điều tra lập dự án và thiết lập quan hệ đối tác tại địa phương (nếu có) theo đề nghị của Bên tiếp nhận viện trợ hoặc ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp và hướng dẫn Bên tiếp nhận viện trợ trong đàm phán, ký kết các khoản viện trợ theo quy định hiện hành của pháp luật. Hỗ trợ các thủ tục hành chính trong quá trình triển khai các các khoản viện trợ tại địa phương.

đ) Chủ trì tổng hợp kết quả vận động viện trợ trên địa bàn tỉnh theo định kỳ hàng năm theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

e) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu cho UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài.

g) Phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ khi có yêu cầu; phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan chức năng hướng dẫn các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài về các vấn đề liên quan đến thủ tục xuất nhập cảnh, cư trú và giải quyết các vấn đề liên quan theo quy định của pháp luật và các điều ước quốc tế.

4. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn việc quản lý tài chính đối với các khoản viện trợ.

b) Phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ khoản viện trợ; xác định khoản viện trợ thuộc hay không thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước; khả năng đóng góp vốn đối ứng (từ nguồn vốn chi thường xuyên); các nội dung về cơ chế tài chính trong nước đối với khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước.

c) Thực hiện quản lý thu, chi ngân sách Nhà nước đối với các khoản viện trợ thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước theo quy định tại Nghị định số

80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ và pháp luật về ngân sách Nhà nước, quản lý tài chính.

d) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc quản lý tài chính đối với nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước, đề xuất xử lý các trường hợp vi phạm chế độ tài chính trong quản lý và sử dụng nguồn viện trợ trên địa bàn tỉnh.

5. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu UBND tỉnh thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh trong quá trình tiếp nhận, thực hiện các hoạt động viện trợ không hoàn lại trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Ngoại vụ và các cơ quan chức năng xử lý các vụ việc, hiện tượng, phương tiện, tài sản liên quan đến cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài và có yếu tố nước ngoài xảy ra trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn, giám sát, kiểm tra, thanh tra chuyên ngành về an ninh trật tự đối với các hoạt động viện trợ và tiến hành các nhiệm vụ theo thẩm quyền khi phát hiện dấu hiệu vi phạm pháp luật liên quan tới việc tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

c) Chủ trì hướng dẫn, hỗ trợ các cơ quan, tổ chức trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.

d) Phối hợp với Sở Ngoại vụ tham mưu cho UBND tỉnh đề nghị cấp có thẩm quyền cấp, gia hạn, bổ sung, sửa đổi Giấy đăng ký hoạt động, Giấy đăng ký lập Văn phòng đại diện cho các tổ chức phi chính phủ nước ngoài khi có yêu cầu.

đ) Phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ khoản viện trợ theo quy định của pháp luật Việt Nam. Đánh giá hiệu quả, tác động về an ninh, trật tự xã hội sau khi kết thúc thực hiện.

6. Sở Nội vụ

a) Phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ khoản viện trợ đối với các nội dung thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Sở Nội vụ; thẩm định sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ đối với trường hợp Bên tiếp nhận viện trợ là các tổ chức hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện theo thẩm quyền quản lý Nhà nước của Sở Nội vụ.

b) Chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn và hỗ trợ các cơ quan, tổ chức Việt Nam chấp hành thực hiện đường lối, chính sách tôn giáo của Nhà nước trong quá trình tiếp nhận và sử dụng các khoản viện trợ.

7. Sở Xây dựng

a) Chủ trì hướng dẫn chủ khoản viện trợ thực hiện thủ tục về đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng khi có yêu cầu.

b) Phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ viện trợ đối với dự án có cấu phần xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng và các nội dung thuộc phạm vi quản lý Nhà nước về xây dựng.

8. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh

a) Chủ trì, tham mưu UBND tỉnh trong tiếp nhận, sử dụng các khoản viện trợ thực hiện đúng quy định về bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

c) Phối hợp với cơ quan chủ trì thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ khi có yêu cầu.

9. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh: Phối hợp với cơ quan chủ trì trong thẩm định hồ sơ các khoản viện trợ liên quan đến quản lý hoạt động của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài trên địa bàn khu vực biên giới đất liền, biển, đảo khi có yêu cầu.

10. Kho bạc Nhà nước Thanh Hóa: Chủ trì hướng dẫn, kiểm soát chi vốn viện trợ không hoàn lại thuộc nguồn thu ngân sách Nhà nước theo quy định tại Chương III và Chương IV Nghị định số 80/2020/NĐ-CP ngày 08/7/2020 của Chính phủ.

11. Các sở, ban, ngành và cơ quan liên quan

a) Về việc tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Theo đề nghị của cơ quan chủ trì, có ý kiến thẩm định về tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; những cam kết, điều kiện của các bên tham gia, sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ; khả năng duy trì tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ đúng quy định.

c) Tích cực vận động, tìm kiếm đối tác viện trợ trên cơ sở nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội cụ thể, kế hoạch thu hút và sử dụng nguồn vốn viện trợ từng năm, từng thời kỳ.

12. UBND cấp huyện

a) Tham gia thẩm định hồ sơ viện trợ: Theo đề nghị của cơ quan chủ trì, có ý kiến thẩm định về tính phù hợp của mục tiêu chương trình, dự án, phi dự án với mục tiêu phát triển của ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý; những cam kết, điều kiện của các bên tham gia, sự phù hợp giữa mục đích viện trợ và chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền của Bên tiếp nhận viện trợ và khả năng tiếp nhận, tổ chức thực hiện của chủ khoản viện trợ; khả năng duy trì tính bền vững của chương trình, dự án sau khi kết thúc.

b) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiếp nhận, sử dụng viện trợ theo quy định. Phối hợp với Sở Ngoại vụ tạo điều kiện cho Bên cung cấp viện trợ, Bên tiếp nhận viện trợ khảo sát, lập chương trình, dự án, phi dự án viện trợ triển khai trên địa bàn.

c) Chuẩn bị mặt bằng, cân đối vốn đối ứng bằng hiện vật hoặc tiền từ ngân sách được phân cấp để bố trí thực hiện các khoản viện trợ do UBND cấp huyện và các cơ quan trực thuộc thẩm quyền quản lý làm chủ khoản viện trợ.

13. Chủ khoản viện trợ

a) Chủ trì vận động, đàm phán, ký kết các khoản viện trợ khi được UBND tỉnh thống nhất chủ trương. Lập hồ sơ trình thẩm định, phê duyệt và quản lý thực hiện các khoản viện trợ. Thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Điều 7 Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Phối hợp với Sở Ngoại vụ trong vận động, đàm phán, ký kết khoản viện trợ khi có yêu cầu. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư trong thẩm định văn kiện trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

c) Tổ chức bộ máy thực hiện, chủ động cân đối nguồn lực (hiện vật, tiền) để bố trí vốn đối ứng thực hiện các khoản viện trợ theo cam kết với Bên cung cấp viện trợ.

d) Chịu trách nhiệm toàn diện trước UBND tỉnh về chất lượng, hiệu quả và tiến độ thực hiện các chương trình, dự án, phi dự án viện trợ đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật.

Điều 9. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành, đoàn thể, đơn vị cấp tỉnh; UBND cấp huyện; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, căn cứ chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý, có trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này. Trong quá trình triển khai, nếu các văn bản quy phạm pháp luật dẫn chiếu trong Quy chế này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì thực hiện theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc cần phải sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế; các cơ quan, tổ chức báo cáo bằng văn bản gửi UBND tỉnh (thông qua Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp) để được xem xét, điều chỉnh, bổ sung phù hợp./.